

Đông Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2021

Số: 21/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Thư ký phiên họp: Ông Bơ Nướch Rê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Y Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-VDS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “ Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Zơ Râm M, sinh năm: 1997

2/ Chị Ra Đêl Thị Đ, sinh năm: 1997

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. (cùng có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện: ông Blinh T - Chủ tịch UBND (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, người yêu cầu là anh Zơ Râm M và chị Ra Đêl Thị Đ trình bày:

Ngày 18/7/2017, anh M và chị Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam một cách tự nguyện. Lúc đăng ký kết hôn anh M, chị Đ không mang theo giấy tờ tùy thân để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ khai bằng miệng nên dẫn đến sai sót về tháng sinh của anh M. Anh M sinh ngày 20/9/1997 nhưng khai là sinh ngày 20/06/1997. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh M chỉ mới 19 tuổi 09 tháng 28 ngày, cho nên vi phạm về độ tuổi kết hôn. Nay anh, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Giang hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: anh M, chị Đ có hai con chung Zơ Râm Thị Ánh T1, sinh ngày 18/02/2017 và Zơ Râm Thị Thu S, sinh ngày 18/11/2019. Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, anh M, chị Đ thống nhất thỏa thuận. Anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ánh T1; chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thu S và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và các khoản nợ chung: anh M, chị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp anh M và chị Đ thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Zơ Râm Thị Ánh T1, sinh ngày 18/02/2017; chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Zơ Râm Thị Thu S sinh ngày 18/11/2019. Anh M, chị Đ không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và các khoản nợ chung: anh M, chị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đông Giang nhận định:

[1] Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 18/7/2017, anh M chỉ mới 19 tuổi 09 tháng 28 ngày, thực tế anh sinh ngày 20/9/1997 nên anh M không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy việc anh M đăng ký kết hôn với chị Đ tại UBND xã T, huyện Đông Giang vào ngày 18/7/2017 là việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn. Nay anh, chị cùng yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: anh M, chị Đ đều xác định có hai con chung và tự thỏa thuận. Anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Zơ Râm Thị Ánh T1, sinh ngày 18/02/2017; chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Zơ Râm Thị Thu S, sinh ngày 18/11/2019, thỏa thuận trên phù hợp với điều kiện, đời sống sinh hoạt và mức thu nhập của hai bên. Do đó, cần giao cháu Ánh T1 cho anh M nuôi dưỡng; giao cháu Thu S cho chị Đ nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung Ánh T1 và Thu S đủ 18 tuổi, biết sống tự lập là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh M và chị Đ không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: anh M, chị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã đã có ý kiến tại bản trình bày ngày 29/7/2021, nên cần xem xét theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về lệ phí: anh M, chị Đ không phải nộp tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 và các Điều 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 3, khoản 1 Điều 8 và các Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Zơ Râm M và chị Ra Đêl Thị Đ.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 18/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

3. Về con chung: anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Zơ Râm Thị Ánh T1, sinh ngày 18/02/2017; chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Zơ Râm Thị Thu S sinh ngày 18/11/2019, cho đến khi hai cháu Ánh T1 và Thu S đủ 18 tuổi, biết sống tự lập. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh M và chị Đ không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì quyền lợi của con, anh M, chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: anh M và chị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí sơ thẩm việc dân sự: anh M, chị Đ không phải nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng nam có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H. Đông Giang;
- Chi cục THADS H. Đông Giang;
- UBND xã T, H. Đông Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Kim Oanh